

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HS-ST

Ngày: 30/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH N**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tường;

Ông Trần Văn Hải.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh N tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Q - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

**Cao Văn T**, tên gọi khác: không; sinh ngày: 05 tháng 5 năm 1973, tại T phố V, tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 6, xã K, T phố V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn D; con bà: Lưu Thị H; vợ: Phạm Thị S (Đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2013; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 12/10/2018 bị Tòa án nhân dân T phố V, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 451/2018/HSST), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12/7/2019; nhân thân: Ngày 31/5/1994 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh A xử phạt 36 tháng tù về tội: “Cướp tài sản của công dân” (Bản án số 15/HSST). Bị cáo kháng cáo nên ngày 11/8/1994 Tòa án nhân dân tỉnh A xử phúc thẩm tuyên: Sửa án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội: “Cướp tài sản của công dân”, bị cáo đã chấp hành xong bản

án; ngày 24/12/2007 bị Tòa án nhân dân T phố V, tỉnh N xử phạt 04 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 563/2007/HSST), bị cáo đã chấp hành xong bản án; ngày 27/5/2016 bị Tòa án nhân dân T phố V, tỉnh N xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội: “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 177/2016/HSST), bị cáo đã chấp hành xong bản án; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2020 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Phùng Thị H; sinh năm 1969; nơi cư trú: Xóm 4, xã C, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Số 4 đường T, Khối 12, phường Q, T phố V, tỉnh N. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 7/6/2020, Cao Văn T điều khiển xe mô tô Nouvo Lx BKS 37B3- 013.44 của anh Cao Huy Tg (Em trai của T) đi đến nhà bạn ở xã Châu Nhân, huyện H, tỉnh N chơi. Trên đường đi, T ghé vào ki ốt bán vật liệu xây dựng của chị Phùng Thị H (Ở xóm 4, xã C, huyện H) để hỏi mua một ống nhựa loại phi 76 và 01 cái kéo cắt cây. Chị H lấy kéo và ống nhựa cho T xem. Xem xong T nói với chị H “Lát nữa quay lại lấy”, rồi T quay ra lên xe đi. Đi được khoảng 10 mét thì T quay lại rồi đi vào phía trong ki ốt của chị Huyền. Lúc này, T phát hiện ở trên giường ngủ có một chiếc túi xách màu nâu có nhiều hoa văn, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi lại mở chiếc túi xách ra, thấy bên trong có một chiếc ví da màu đen có kích thước (10x20)cm, T lấy ra, dặt chiếc ví vào lưng quần phía trước bụng và đi ra khỏi ki ốt. T điều khiển xe đi về nhà theo đường 542B. Khi đi đến đoạn đường gần phía trước nhà hàng T&T (Thuộc xóm 4 xã C, huyện H) T dừng xe lại. T lấy chiếc ví mở ra kiểm tra bên trong, thấy có nhiều tờ tiền gồm các mệnh giá 500.000đ, 200.000đ, 100.000đ, 50.000đ. T lấy toàn bộ số tiền này bỏ vào trong túi quần của mình rồi vút chiếc ví bên mép đường và tiếp tục đi về nhà. Khi về đến nhà, T đưa toàn bộ số tiền vừa trộm được đem ra đếm được tổng số tiền là 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng). Cùng ngày, T điều khiển xe Nouvo LX đi đến cửa hàng xe máy Giàu Thủy (Ở số 148, đường Đ, T phố

V). T bán chiếc xe đó cho cửa hàng với giá 5.000.000đ. T lấy ra 13.000.000đ trong tổng số tiền trộm cắp được, cộng số tiền 5.000.000đ vừa bán xe để mua một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu vàng đen, BKS 37B2- 687.97 của cửa hàng xe HonDa với giá 18.000.000đ.

Khoảng 8 giờ ngày 07/6/2020, chị Phùng Thị H phát hiện chiếc ví của mình bị mất trộm nên đi tìm thì thấy chiếc ví ở phía bên trái đường tỉnh lộ 542B (Hướng xã C đi lên xã H), cách tường rào nhà hàng T&T khoảng 5- 7m. Chị H đã đến Công an xã C, huyện H trình báo sự việc và giao nộp chiếc ví cùng 01 chiếc thẻ bảo hiểm y tế mang tên Phùng Thị H có trong chiếc ví cho Công an xã C, huyện H.

Đến 18 giờ ngày 14/6/2020, T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh N đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình. T tự nguyện giao nộp: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu vàng đen, BKS 37B2- 687.97; 01 đăng ký xe mô tô BKS 37B2- 687.97 mang tên Bùi Văn L và số tiền 9.900.000đ.

Cáo trạng số 44/CT-VKS-HS ngày 24/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh N truy tố bị cáo Cao Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Cao Văn T đã khai nhận hành vi mà bị cáo thực hiện vào ngày 07/6/2020 giống như nội dung bản cáo trạng và nội dung vụ án như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Cao Văn T từ 24 đến 30 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2]. *Về chứng cứ xác định tội danh:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai tại phiên tòa và lời khai trong quá trình điều tra của bị cáo là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 07/6/2020 tại địa phận xóm 4, xã C, huyện H, tỉnh N, bị cáo Cao Văn T đã lấy trộm của chị Phùng Thị H 01 chiếc ví da màu đen, bên trong ví có số tiền 41.000.000đ và 01 chiếc thẻ bảo hiểm y tế của chị H.

Do bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu T tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Đây là vụ án xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để chiếm đoạt số tiền 41.000.000đ. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo T khản, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi

thường đầy đủ cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và tự nguyện nộp lại số tiền 9.900.000đ để khắc phục hậu quả. Như vậy, bị cáo sẽ được hưởng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, lại từng bị đưa ra xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân lại tiếp tục phạm tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục và cải tạo bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (Trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự ). Nên chỉ cần xử bị cáo mức án được quy định ở đầu khung hình phạt cũng đủ nghiêm. Mức án mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa hôm nay là phù hợp và nghiêm minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (là hình phạt tiền) đối với bị cáo.

[5]. Chị Nguyễn Thị T (Chủ cửa hàng xe máy Hoadà) là người bán cho bị cáo chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại wave, màu vàng đen, BKS 37B2-687.97 với số tiền 18.000.000đ (Trong đó có 13.000.000đ là tiền do bị cáo trộm cắp mà có). Tuy nhiên, do chị Th không biết được nguồn tiền mua xe là do phạm tội mà có nên cơ quan CSĐT không xử lý chị T là đúng quy định của pháp luật.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đã được cơ quan điều tra trả lại thẻ bảo hiểm y tế và số tiền 9.900.000đ; gia đình bị cáo hoàn trả cho người bị hại số tiền 31.100.000đ. Tổng số tiền mà người bị hại đã nhận là 41.000.000đ. Hiện người bị hại không yêu cầu gì thêm nên Tòa miễn xét.

[7]. *Về vật chứng*: Trong quá trình điều tra, cơ quan CSĐT có thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại wave, màu vàng đen, BKS 37B2- 687.97 và 01 đăng ký xe mô tô BKS 37B2- 687.97; 01 chiếc thẻ bảo hiểm y tế mang tên Phùng Thị Huyền và số tiền 9.900.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại nên cơ quan CSĐT đã trả lại xe mô tô và đăng ký xe mô tô cho anh Cao Huy Th (là người được bị cáo Cao Văn T ủy quyền nhận xe) là đúng quy

định của pháp luật. Trả lại cho chị Phùng Thị Hu (Chủ sở hữu): 01 chiếc thẻ bảo hiểm y tế mang tên Phùng Thị H và số tiền 9.900.000đ.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn T 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 14/6/2020.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Cao Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo và người tham gia TT khác.
- TAND tỉnh NA; Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

